

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CHO HỌC SINH LỚP 8 THÔNG QUA CHỦ ĐỀ SINH HỌC CƠ THỂ NGƯỜI

Nguyễn Thị Hà

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin và mạng internet, việc tự học trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết, mang lại cho người học cơ hội tiếp cận với lượng lớn nguồn tài liệu tham khảo, đa dạng về hình thức và nội dung, kiến thức trên toàn thế giới. Năng lực tự học đóng vai trò then chốt trong việc giúp học sinh chủ động tiếp thu kiến thức và hình thành kỹ năng, đồng thời được xem là định hướng cơ bản của chương trình giáo dục phổ thông hiện nay. Việc rèn luyện và phát triển năng lực tự học cho học sinh là một nhiệm vụ chiến lược, đòi hỏi sự chung tay góp sức của mỗi giáo viên và toàn ngành giáo dục. Để hình thành được năng lực này là cả một quá trình xuyên suốt. Vì thế, mỗi giáo viên cần chủ động nghiên cứu, tìm tòi và xây dựng cho mình những phương pháp, quy trình giảng dạy phù hợp để đạt được mục tiêu đó. Dựa trên những nghiên cứu cơ sở lý luận về dạy học phát triển năng lực, bài viết này sẽ trình bày một quy trình tổ chức hoạt động tự học nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh lớp 8 khi học chủ đề "Sinh học cơ thể người" trong môn Khoa học tự nhiên 8.

Từ khoá: Học tập, kỹ năng, năng lực, tổ chức dạy học, tự học.

Nhận bài ngày 15.12.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 20.02.2025

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Hà; email: ntn4@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tự học là một hoạt động không phải chỉ diễn ra trong thời đại ngày nay, mà diễn ra trong suốt lịch sử phát triển của loài người bởi vai trò to lớn của nó. Theo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Giáo dục, để đi đến thành công, kiến thức chỉ chiếm 25%, còn lại phụ thuộc vào các kỹ năng tự trang bị cho mình [1]. Tác giả Nguyễn Cảnh Toàn đã nhận định: “Nếu phát huy được tính tích cực, chủ động, trên cơ sở xác định động cơ đúng đắn thì người học hoàn toàn có thể tự mình hoàn thành nhiệm vụ học tập” [2].

Theo định hướng về phương pháp giáo dục của Bộ GD&ĐT năm 2018: “Các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của học sinh (HS), trong đó giáo viên (GV) đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển” [3]. Việc hình thành kỹ năng tự học cho HS còn góp phần cho sự thực hiện tốt thông tư 29 của Bộ GD&ĐT về việc dạy thêm và học thêm [4].

Sinh học cơ thể người là phần kiến thức liên quan đến cấu tạo, chức năng các hệ cơ quan trong cơ thể người; Mỗi quan hệ giữa cơ thể với môi trường xung quanh. Nguồn thông tin để HS tự học phần kiến thức này rất phong phú và đa dạng, nhiều kênh thông tin để HS tra cứu: sách, báo, đặc biệt là mạng internet, video, hình ảnh liên quan tới từng cơ quan, hệ cơ quan, bài giảng trực tuyến... giúp HS dễ dàng tiếp cận để hoàn thành nhiệm vụ. Do đó, việc rèn kỹ năng tự học cho HS thông qua việc học chủ đề này có nhiều thuận lợi.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Hoạt động học tập

Theo tác giả Trần Bá Hoành: “Hoạt động học tập của HS là một chuỗi hành động và các thao tác trí tuệ nhằm hướng tới mục tiêu của bài học” [5]. Bản chất của Hoạt động học tập là hoạt động

chuyên hướng vào sự tìm tòi, phát hiện, chiếm lĩnh những tri thức ở người học; Hoạt động học tập làm thay đổi chính bản thân người học; Hoạt động học tập được điều khiển một cách có ý thức. Để chiếm lĩnh tri thức, người học cần chủ động thực hiện các hoạt động trí tuệ dưới sự điều khiển của GV để nhận thức và tiếp thu cả nội dung và hình thức không chỉ những sự kiện, hiện tượng cụ thể mà còn phải đạt đến những tri thức khái quát, nâng lên thành hệ thống lí luận; Hoạt động học tập hướng HS đến việc lĩnh hội phương pháp học.

2.1.2. Năng lực

Theo *Từ điển Tiếng Việt* của tác giả Hoàng Phê “*Năng lực là khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó như năng lực tư duy, năng lực tài chính hoặc là phẩm chất tâm sinh lý và trình độ chuyên môn tạo cho con người khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao như năng lực chuyên môn, năng lực lãnh đạo*” [6].

Theo chương trình giáo dục phổ thông 2018b “*Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể*” [7].

Như vậy, năng lực được hình thành một phần do tố chất tự nhiên của mỗi cá nhân để có thể thực hiện được công việc, nhiệm vụ được giao với chất lượng cao nhất, thời gian nhanh nhất. Tuy nhiên, năng lực được hình thành phần lớn do học tập và rèn luyện mà có.

2.1.3. Năng lực tự học

Theo tác giả Nguyễn Cảnh Toàn: “*Năng lực tự học được hiểu là một thuộc tính kĩ năng rất phức tạp, bao gồm các kĩ năng và kĩ xảo, cần gắn với động cơ và thói quen tương ứng, giúp người học có thể đáp ứng được những yêu cầu mà công việc đặt ra*” [2].

Năng lực tự học còn là sự bao hàm cả cách học, kĩ năng và nội dung học tập, là sự tích hợp tổng thể cách học và kĩ năng tác động đến nội dung trong các tình huống - vấn đề khác nhau [7].

Như vậy, có thể hiểu, năng lực tự học là khả năng xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động; Tự đặt ra được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện; Thực hiện các phương pháp học tập hiệu quả; Khắc phục những sai sót, hạn chế của bản thân khi giải quyết các nhiệm vụ học tập thông qua tự đánh giá hoặc lời nhận xét của thầy cô, bạn bè; Biết tự tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn trong học tập. Năng lực tự học tuy là khả năng “bẩm sinh” của mỗi người nhưng cần được rèn luyện thường xuyên thông qua các hoạt động thực tiễn, nếu không nó sẽ chỉ là khả năng tiềm ẩn của con người.

2.2. Đặc điểm tự học của học sinh lớp 8

Ở độ tuổi HS lớp 8, HS bắt đầu nhận thức rõ hơn về vai trò của học tập đối với tương lai của bản thân. Tuy nhiên, mức độ nhận thức này có thể khác nhau tùy thuộc vào từng cá nhân và môi trường xung quanh. Các em có thể tự tạo động lực học tập thông qua việc tự đặt ra mục tiêu học tập, tự lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch, nhưng các em vẫn cần sự hướng dẫn và động viên từ phía gia đình và nhà trường; Khả năng tự tìm kiếm thông tin từ nhiều nguồn khác nhau như sách, báo, internet... nhưng việc lựa chọn thông tin, chất lọc thông tin, khái quát thông tin cho ngắn gọn, xúc tích chưa cao nên cần có sự hướng dẫn của thầy cô; Khả năng tự giác học tập cũng đã cao hơn, nhưng nhiều HS vẫn cần sự giám sát và nhắc nhở; HS đã biết làm việc cùng nhau để đạt được mục tiêu chung, biết cách đưa ra ý kiến, phân tích tình huống và tìm kiếm giải pháp. Tuy nhiên, giữa các em dễ xảy ra xung đột, bất hoà, khả năng thuyết phục người khác chưa cao, dễ mất tập trung. Vì vậy, GV cần rèn luyện nhiều hơn. Về sản phẩm tự học: HS đã có thể thể hiện sản phẩm ở nhiều hình thức khác nhau như viết báo cáo, thuyết trình, làm video, hoặc tạo sản phẩm nghệ thuật thông qua các công cụ hỗ trợ như Canva, PowerPoint, Word, hoặc các phần mềm chỉnh sửa video cơ bản với nhiều ý tưởng sáng tạo. Tuy nhiên, nội dung đôi khi còn chưa cô đọng, lan man, thiếu trọng tâm. Việc trình bày sản phẩm còn lo lắng, hồi hộp hoặc thiếu tự tin. Điều này cần được rèn luyện thường xuyên và liên tục. Việc tự đánh giá sản phẩm của mình, thông qua các tiêu chí cụ thể sẽ giúp HS cải thiện ở những lần sau.

2.3. Quy trình tổ chức hoạt động tự học

Bước 1. Hình thành nhu cầu tự học

Chủ đề Sinh học cơ thể người không chỉ tìm hiểu kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể, mà còn liên quan mật thiết đến sức khỏe và đời sống của mỗi con người. Việc dạy chủ đề này GV cần kích thích được sự tò mò và niềm đam mê khám phá cho HS, thông qua các tình huống, tạo ra hoàn cảnh có vấn đề, câu hỏi, bài tập vừa sức... hình thành nhu cầu cần giải quyết dựa trên những kinh nghiệm và kiến thức đã có. Từ đó, HS hoàn thiện tri thức, mở rộng vốn hiểu biết (hình thành nhu cầu bên trong cho người học). Kết quả HS đạt được sẽ được GV khen thưởng bằng các hình thức và mức độ khác nhau (hình thành nhu cầu bên ngoài cho người học).

Bước 2. Xây dựng kế hoạch tự học

- Đối với GV: Hướng dẫn HS cách xác định mục tiêu cho từng hoạt động học tập. Xây dựng thời gian biểu cho từng nội dung; Phương tiện, Phương pháp học để đạt mục tiêu.

- Đối với HS: Xây dựng thời gian hợp lí cho từng hoạt động. HS dựa vào thời khóa biểu trong ngày, trong tuần để xây dựng thời gian tự học cho từng môn, từng bài cho phù hợp; Xác định mục tiêu cho từng hoạt động học tập, gồm: Mục tiêu nhằm củng cố kiến thức đã học thông qua việc học và làm bài cũ. Từ đó làm cơ sở cho việc giải quyết các vấn đề có liên quan ở bài mới; Mục tiêu tìm hiểu kiến thức bài mới, khi đó HS cần: Đọc Sách giáo khoa (SGK) và tài liệu tham khảo; Tìm kiếm thông tin, lựa chọn phương tiện hỗ trợ theo sự hướng dẫn của GV; Lựa chọn hình thức học: học cá nhân hay học theo nhóm hay kết hợp cả cá nhân và hoạt động nhóm; Cách thức ghi chép và tổng hợp kiến thức: viết theo sơ đồ tư duy hay bảng so sánh, bảng tóm tắt hay liệt kê thông tin... tùy vào từng kiểu bài, từng phần cụ thể.

Xây dựng kế hoạch vận dụng kiến thức học được vào thực tiễn đời sống. Đích cuối cùng của việc học là vận dụng được kiến thức vào thực tiễn chăm sóc sức khỏe cho bản thân và những người xung quan. Vì thế, sau mỗi bài học cần xác định hướng vận dụng cụ thể; Xây dựng kế hoạch tham gia các hoạt động ngoại khóa (nếu có); Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thực hiện kế hoạch tự học

Cách thức sử dụng SGK: Dưới mỗi tiêu đề của bài học trong SGK đều đã nêu mục tiêu bài học, đó cũng chính là nội dung cần đọc trước tiên. Từ mục tiêu này, HS xác định những việc cần làm trong chuỗi các hoạt động cần thực hiện. Tiếp theo, đọc qua bài học một lần để có thông tin tổng quát về nội dung bài học; Ngẫm nghĩ về tiêu đề bài học, tên đề mục lớn để hình dung nội dung của từng phần; Thiết kế sơ đồ tư duy, bảng biểu so sánh hay liệt kê thông tin thu được sau khi đọc. Việc làm này HS không thể làm ngay được ngày một ngày hai, mà GV cần hướng dẫn từng bước để các em thiết kế được. Những buổi đầu GV cung cấp sẵn cho HS sơ đồ hay bảng biểu liên quan đến nội dung bài học, HS sẽ điền khuyết. GV chỉ dẫn cách tư duy để có được sơ đồ hay bảng biểu đó. Sau khi đã hiểu rõ về cách thức, HS sẽ tự thực hiện. Trên cơ sở lối tư duy và thực hiện đó, HS sẽ đưa ra hướng trình bày sản phẩm một cách logic, khoa học, hấp dẫn cho người nghe.

Tìm kiếm thông tin trên mạng Internet: Đối với những nơi có mạng internet phát triển, thì đây là nguồn tài nguyên vô cùng phong phú mà HS có thể tra cứu để hiểu rõ hơn, mở rộng nội dung bài học. Tuy nhiên, để hiệu quả, GV cần định hướng cho HS cách thức tra cứu, nội dung tra cứu để tránh lan man, mất thời gian không đáng có. Nội dung quan trọng cần tra cứu là bài giảng online về nội dung bài học. Ban đầu, GV cung cấp đường link cho HS, lựa chọn những đường link bài giảng của thầy cô có uy tín, chất lượng để HS cập nhật. Sau khi đã thành thạo, HS tự tìm kiếm bằng cách gõ “từ khóa”. Trên cơ sở những thông tin đã tìm hiểu được trong SGK, HS nghe bài giảng online của thầy cô sẽ dễ dàng nắm bắt được nội dung. Đây được coi là cách học kết hợp giữa trực tiếp và gián tiếp. Trong quá trình đó, HS sẽ bổ sung những gì còn thiếu, những điều cần ghi nhớ trong nội dung đã thực hiện khi đọc SGK. HS có thể tua đi tua lại video để xem nếu thấy cần và xem vào bất kì thời gian nào có thể sắp xếp được. Trong quá trình tự học đó, những nội dung chưa hiểu, các vấn đề phát sinh, HS xây dựng thành câu hỏi ở cuối bài để cùng trao đổi với bạn bè, thầy cô. Ngoài ra, Chủ đề Sinh học cơ thể người còn có rất nhiều video, hình ảnh, trang thông tin nói về từng cơ quan,

bộ phận của cơ thể, cấu tạo, chức năng và các bệnh liên quan, nguyên nhân và biện pháp phòng tránh, GV hướng dẫn HS tra cứu để hoàn thiện nhiệm vụ học tập.

Thực hành, thí nghiệm: Sinh học cơ thể người tìm hiểu những nội dung liên quan trực tiếp tới cơ thể người, cơ thể của mỗi HS và những người xung quanh. Việc thực hành, thí nghiệm sẽ giúp HS áp dụng kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các vấn đề thực tế, từ đó hiểu sâu hơn về bản chất của các hiện tượng tự nhiên. Để có thể tự học nội dung này, HS cần đọc kĩ hướng dẫn trong SGK, xem video và các tài liệu tham khảo khác để tiến hành thực hiện cho có hiệu quả. Đối với những HS khá, giỏi, GV hướng dẫn HS tìm hiểu thêm thông tin từ các bộ SGK khác, sách nâng cao, sách bồi dưỡng HS giỏi, bài báo trên tạp chí: GV cung cấp danh sách và tài liệu tham khảo bổ ích để học sinh có thể tìm hiểu thêm, các loại sách này thường có trong thư viện của mỗi trường, vì thế, GV khuyến khích HS đến thư viện để tra cứu thông tin. Ngoài ra, GV còn hướng dẫn HS cách học hỏi từ người thân, đặc biệt là những người thân làm về y tế, chăm sóc sức khỏe cho con người. Tham gia các hoạt động ngoại khóa (nếu có). Hoạt động này góp phần củng cố kiến thức đã học, đồng thời mở rộng thêm kiến thức, trải nghiệm cụ thể những hoạt động liên quan tới cơ thể người. Từ kiến thức thu hái được, HS sẽ vận dụng kiến thức vào thực tiễn đời sống cho chính bản thân mình và những người xung quanh. HS tự đánh giá thông qua việc làm bài tập trong SGK hoặc tự tìm kiếm bài tập trong các nguồn tài liệu tham khảo. Hoàn thành bảng tiêu chí đánh giá khả năng tự học mà GV cung cấp. Từ đó, HS tự nhận biết năng lực tự học của mình ở mức độ nào, từ đó có kế hoạch để phấn đấu.

Bước 4. Thể hiện sản phẩm tự học

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả tự học trước lớp theo từng nội dung cụ thể, phù hợp, không quá rộng, không quá hẹp đối với từng cá nhân hay nhóm HS. HS thực hiện yêu cầu của thầy cô. Lớp thảo luận, nhận xét, đánh giá về sản phẩm vừa trình bày, các nhóm đưa ra câu hỏi (nếu có) cho nhóm báo cáo phân biện. HS đưa ra những vấn đề, các tình huống có liên quan để cả lớp cùng bàn luận. GV nhận xét, đánh giá về sản phẩm cụ thể; Giải đáp thắc mắc (nếu có); Mở rộng kiến thức; Cung cấp thêm thông tin, tài liệu liên quan để mở rộng kiến thức của bài; Đưa ra bài tập vận dụng hay vấn đề cần giải quyết nhằm đạt được mục tiêu ở cấp bậc cao hơn.

Bước 5. Tổng kết, đánh giá

Đối với HS: Đánh giá về mức độ tự học, HS hoàn thành phiếu điều tra (thầy cô cung cấp) để có được thông tin về khả năng tự học. HS tự hoàn thiện phiếu cho mình hoặc thực hiện chéo, HS này đánh giá khả năng tự học của HS khác.

Bảng 1. Tiêu chí đánh giá khả năng tự học dành cho học sinh tự đánh giá

Nội dung		Mức độ		
		M1	M2	M3
Xác định mục tiêu tự học	Nắm vững kiến thức bài cũ. Sử dụng được kiến thức bài cũ để giải quyết vấn đề có liên quan ở bài mới.			
	Thiết kế được sơ đồ tư duy hoặc bảng biểu từ việc tự tìm hiểu nội dung bài mới.			
	Tìm kiếm và sử dụng hiệu quả các tài liệu học tập: SGK, tài liệu tham khảo.			
	Xây dựng được câu hỏi từ nội dung kiến thức chưa hiểu, mới phát sinh.			
	Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn đời sống.			
Lập kế hoạch tự học	Xây dựng thời gian phù hợp cho môn học trong một buổi học, một ngày, một tuần...			
	Hoàn thành bài cũ và làm bài tập thầy/cô giao			
	Tìm hiểu kĩ nội dung bài mới trong SGK và ghi lại nội dung chính thông qua sơ đồ tư duy hoặc bảng biểu.			
	Xem video bài giảng trên Youtube hoặc các nền tảng học trực tuyến liên quan tới nội dung bài học để bổ sung kiến thức.			
	Làm bài tập trong SGK và tìm thêm bài tập trên mạng internet.			

	Hình thức tự học là cá nhân hoặc hoạt động theo nhóm.			
	Hướng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.			
Kĩ năng thực hiện kế hoạch	Đọc mục tiêu bài học (có sẵn trong SGK) để định hướng cho các công việc tiếp theo.			
	Đọc qua một lượt nội dung bài mới trong SGK. Suy nghĩ về tiêu đề của bài và tên các đề mục lớn để có cái nhìn khái quát về toàn bài.			
	Tìm hiểu chi tiết nội dung từng phần, ghi lại những nội dung tìm được theo cách hiểu (sơ đồ hay bảng biểu ...) một cách logic, khoa học.			
	Tìm kiếm và xử lý thông tin để bổ sung kiến thức, hoàn thiện mục tiêu bài học.			
	Trả lời các câu hỏi trong bài và tìm thêm câu hỏi ôn tập trên các trang web tin cậy.			
	Đặt ra các câu hỏi cho những nội dung chưa hiểu, chưa giải quyết được.			
	Tự tin báo cáo sản phẩm tự học theo thiết kế như trên.			
	Tích cực trao đổi, thảo luận về những vấn đề đặt ra.			
	Vận dụng kiến thức vào đời sống thông qua từng việc làm cụ thể.			

M1: Thực hiện tốt yêu cầu-tương đương với điểm 8; 9; 10.

M2: Thực hiện được cơ bản yêu cầu nhưng chưa đầy đủ-tương đương với điểm 6; 7

M3: Thực hiện được một phần yêu cầu-tương đương với điểm từ 5 trở xuống.

Đối với GV: GV quan sát, theo dõi HS trong suốt quá trình để nhận xét, đánh giá hoạt động tự học của HS cả về mặt Kiến thức; Kỹ năng; Tinh thần tự học. Chốt kiến thức từng phần và toàn bài: Sau khi đã giải quyết mọi vấn đề cho HS, GV hoặc ở mức cao hơn là HS sẽ chốt lại kiến thức cần nhớ của từng phần hoặc toàn bài dưới nhiều hình thức khác nhau.

Bảng 2. Tiêu chí đánh giá khả năng tự học dành cho GV đánh giá học sinh

TT	Nội dung		Mức độ		
	Mục tiêu	Tiêu chí	M1	M2	M3
1	Về kiến thức	Khả năng nắm vững kiến thức cơ bản.			
		Đi sâu và mở rộng kiến thức.			
		Vận dụng kiến thức vào thực tiễn.			
2	Về kĩ năng	Kĩ năng xây dựng thời gian biểu cho việc tự học.			
		Kĩ năng sử dụng SGK, tìm kiếm thông tin từ các nguồn tài liệu tham khảo.			
		Kĩ năng xây dựng nội dung kiến thức tìm hiểu được.			
		Kĩ năng trình bày sản phẩm.			
3	Về tinh thần tự học	Kĩ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề phát sinh.			
		Sự say mê, hứng thú trong việc tự học.			
		Chủ động, tích cực trong việc tự học.			
		Tự giác, trách nhiệm trong việc tự học.			
		Kiên trì, nỗ lực trong việc tự học.			

Để đánh giá về mặt định lượng, GV cho HS làm bài test để đánh giá kết quả học tập. Bài test có thể là câu hỏi trắc nghiệm, trả lời nhanh hoặc tình huống vận dụng để HS giải quyết. Từ những việc HS làm được, GV khích lệ HS thông qua việc khen thưởng, có thể bằng lời khích lệ, động viên hoặc bằng điểm số, ... Những việc HS chưa làm được, GV nhắc nhở, khuyến khích để HS cố gắng ở những lần sau.

2.4. Ví dụ minh họa. Vận dụng quy trình tổ chức hoạt động tự học cho HS qua bài “Hệ vận động ở người” thuộc bài thứ 2 trong chủ đề Sinh học cơ thể trong môn Khoa học tự nhiên, trang 126, Bộ sách Kết nối tri thức-(3 tiết lên lớp).

Mục tiêu kiến thức (có trong SGK): (1) Nêu được cấu tạo, chức năng và phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của hệ vận động; (2) Mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động. Liên hệ được kiến thức đôn bầy vào hệ vận động. Giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương; (3) Trình bày được một số bệnh, tật và bệnh học đường liên quan đến hệ vận động. Nêu được biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng tránh bệnh; (4) Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao và chọn phương pháp luyện tập thể thao phù hợp. Vận dụng hiểu biết về hệ vận động và bệnh học đường để bảo vệ bản thân, tuyên truyền và giúp đỡ người khác; (5) Thực hành: Thực hiện được sơ cứu và băng bó khi người khác bị gãy xương; Tìm hiểu được tình hình mắc các bệnh về hệ vận động trong trường học và khu dân cư. **Mục tiêu kĩ năng:** rèn kĩ năng quan sát, phân tích, giải thích, hoạt động nhóm, trình bày, báo cáo sản phẩm; **Năng lực cần đạt:** tự lực và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Quy trình tổ chức hoạt động tự học:

Bước 1. Hình thành nhu cầu tự học: GV kích thích sự tò mò và niềm đam mê khám phá cho HS thông qua tình huống, hoàn cảnh có vấn đề: “Hàng ngày chúng ta đi lại, vận động, làm việc, bộ phận nào trên cơ thể đã tham gia giúp chúng ta làm được như vậy?”.

Bước 2. Xây dựng kế hoạch tự học: GV hướng dẫn để HS xây dựng được kế hoạch tự học. Sau đây là một ví dụ: Mỗi tuần HS dành 3 buổi, mỗi buổi từ 1,5 đến 2 giờ cho việc tự học chủ đề Sinh học cơ thể người.

Thời gian	Nội dung	Hoạt động	Phương tiện	Phương pháp
8 phút	Khái quát về cơ thể người (bài cũ).	Trả lời câu hỏi cuối bài và bài tập thầy cô giao	SGK	Cá nhân
30 phút	Khái quát về hệ vận động.	Tìm hiểu kĩ nội dung bài mới trong SGK và ghi lại nội dung chính thông qua sơ đồ tư duy hoặc bảng biểu.	SGK	Cá nhân
30 phút	Bổ sung, mở rộng kiến thức.	Xem video bài giảng trên Youtube hoặc các nền tảng học trực tuyến.	Máy vi tính/điện thoại có kết nối internet	Cá nhân
30 phút	Tự đánh giá năng lực tự học.	Làm bài tập trong sách bài tập và tìm thêm bài tập trên mạng internet. Bảng tiêu chí đánh giá tự học.	SGK, máy vi tính/điện thoại có kết nối internet	Cá nhân
40 phút	Thực hành sơ cứu và băng bó vết thương	Đọc SGK, xem video và thực hành.	SGK, máy vi tính/điện thoại có kết nối internet. Nẹp, dây vải, bông, gạc, khăn vải.	Nhóm
20 phút	Những nội dung chưa hiểu, chưa giải quyết được	Xây dựng thành hệ thống câu hỏi để cùng thảo luận tại lớp.	SGK, tài liệu tham khảo	Nhóm
20 phút	Báo cáo sản phẩm tự học	Hoàn thiện sản phẩm tự học để báo cáo		Nhóm

Bước 3. Thực hiện kế hoạch tự học

Sau khi đọc SGK, dưới sự hướng dẫn của GV, HS thực hiện được những nội dung cơ bản như sơ đồ Hình 1. Tuy nhiên, để biết sản phẩm đạt được bao nhiêu mục tiêu bài học đặt ra thì cần quay trở lại từng mục tiêu cụ thể, từ đó đưa ra định hướng để hoàn thành các mục tiêu còn lại:

Trong mục tiêu (1) “*Nêu được cấu tạo, chức năng và phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của hệ vận động*”. HS mới chỉ đạt được phần *Cấu tạo và chức năng* của hệ vận động, phần mục tiêu “*Phân tích sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng*” thì khó có thể đạt được nếu chỉ đọc SGK. Lúc này, GV cần hướng dẫn HS sử dụng tới tài liệu tham khảo, đặc biệt là bài giảng online, video về hệ xương, hệ cơ.

Mục tiêu (2) “*Mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động. Liên hệ được kiến thức đôn bẫy vào hệ vận động. Giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương*”. HS cũng chỉ đạt được phần “*Mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động*”. Phần còn lại HS khó có thể đạt được nếu không có sự trợ giúp của tài liệu tham khảo là video bài giảng hoặc video chuyên biệt về hệ cơ, xương.

Mục tiêu (3) “*Trình bày được một số bệnh, tật và bệnh học đường liên quan đến hệ vận động. Nêu được biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng tránh bệnh*”. Trong SGK mới chỉ đề cập về tật cong vẹo cột sống và bệnh loãng xương, trong khi hệ vận động còn có nhiều tật bệnh hơn thế. Vì thế, HS cần tra cứu để tìm được nhiều tật bệnh hơn nữa thông qua những người xung quanh, trên các trang mạng internet. Mỗi tật, bệnh đều có nguyên nhân và biện pháp phòng tránh. Từ đó, HS có ý thức trong việc đưa ra các biện pháp giúp hệ vận động của mình và những người xung quanh phát triển tốt nhất.

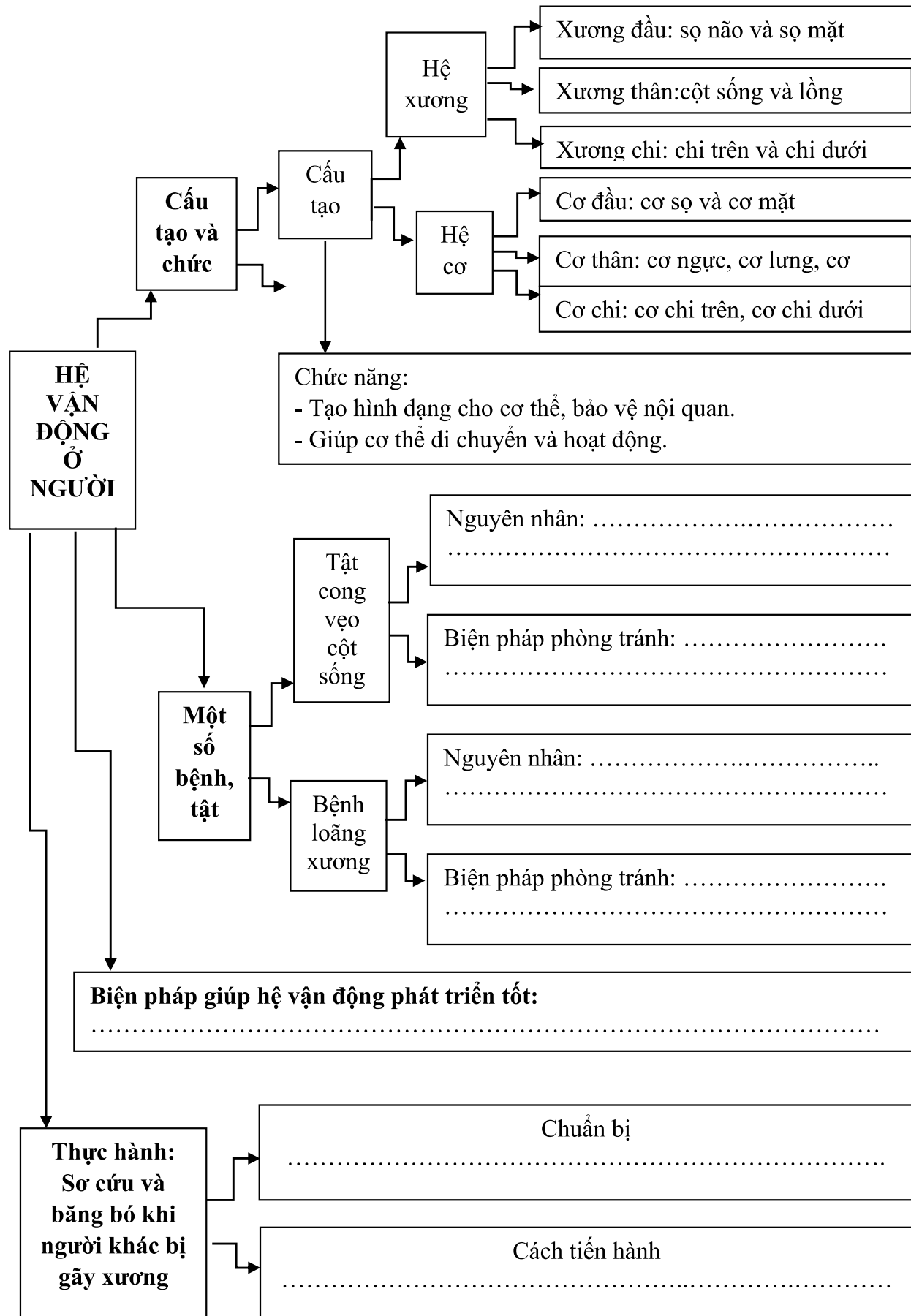
Mục tiêu (4) “*Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao và chọn phương pháp luyện tập thể thao phù hợp. Vận dụng hiểu biết về hệ vận động và bệnh học đường để bảo vệ bản thân, tuyên truyền và giúp đỡ người khác*”. Khi đã đạt được mục tiêu thứ ba thì HS dễ dàng đạt được mục tiêu thứ tư và lựa chọn cho mình phương pháp luyện tập phù hợp với điều kiện của bản thân, hoàn cảnh gia đình và địa phương.

Mục tiêu (5) “*Thực hiện được sơ cứu và băng bó khi người khác bị gãy xương; Tìm hiểu được tình hình mắc các bệnh về hệ vận động trong trường học và khu dân cư*”. Để có thể tự mình sơ cứu và băng bó được cho người khác thì việc đọc thông tin trong SGK chỉ giúp người đọc hình dung được phần nào, nhưng nếu được xem video hoặc được xem trực tiếp người khác thực hiện, HS sẽ dễ dàng thực hiện được, nhận ra được vai trò của từng động tác trong việc sơ cứu cho người bệnh.

Để đạt được mục tiêu (1) (2) và (4), HS có thể làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Riêng đối với mục tiêu thứ (3) và (5) cần có sự hợp tác của cả nhóm thì hiệu quả sẽ tốt hơn. Các em phân công nhau tìm hiểu thêm những tật, bệnh khác về hệ xương, hệ cơ thông qua nguồn tài liệu tham khảo mà GV đã hướng dẫn hoặc dùng phương pháp điều tra ở những người thân trong gia đình hoặc những người xung quanh mắc bệnh. Đặc điểm biểu hiện bệnh, nguyên nhân và biện pháp phòng tránh tật bệnh đó. HS cùng nhau thực hiện các biện pháp sơ cứu và băng bó khi người khác bị thương, một em đóng vai người bệnh, từng HS khác tiến hành sơ cứu sau khi đã xem video hướng dẫn cụ thể.

Trong quá trình tìm hiểu và hoàn thành mục tiêu bài học, có những nội dung HS không hiểu ngay cả khi đã tra cứu các nguồn thông tin, các em sẽ xây dựng thành các câu hỏi để cùng nhau thảo luận với bạn bè và thầy cô khi học trực tiếp.

Cuối cùng, HS hoàn thiện sản phẩm, chuẩn bị cho việc báo cáo trên lớp. Phân công người báo cáo, hình thức báo cáo sao cho đạt kết quả cao nhất.



Hình 1. Sơ đồ tư duy về Hệ vận động ở người

Bước 4. Thể hiện sản phẩm tự học

- GV chia nội dung bài học thành từng phần nhỏ để HS báo cáo sản phẩm tự học

ND1. Cấu tạo và chức năng hệ vận động (tiết 1)

ND2. Một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động (tiết 2).

ND3. Biện pháp giúp hệ vận động phát triển tốt (tiết 2).

ND4. Thực hành: Sơ cứu và băng bó khi người khác bị gãy xương (tiết 3).

- HS báo cáo sản phẩm cá nhân hoặc nhóm bằng các hình thức khác nhau do HS lựa chọn; Lớp thảo luận, nhận xét, đánh giá về sản phẩm vừa trình bày. Đặt các câu hỏi (nếu có) cho nhóm báo cáo phản biện; HS đưa ra những vấn đề, các tình huống có liên quan, đã được tổng hợp khi tự học để cả lớp cùng bàn luận. Dựa vào sự thảo luận của HS, GV chỉ ra điểm đúng, điểm chưa đúng, nội dung còn thiếu, nội dung không phù hợp... để giải quyết thấu đáo mọi thắc mắc của HS.

- GV nhận xét, đánh giá về sản phẩm cụ thể; Mở rộng kiến thức; Đưa ra bài tập vận dụng hay vấn đề cần giải quyết nhằm đạt được mục tiêu ở cấp bậc cao hơn.

Bước 5. Tổng kết, đánh giá

Tổng kết: Sau khi đã giải quyết mọi vấn đề cho HS, GV (hoặc ở mức cao hơn là HS) sẽ chốt lại kiến thức cần nhớ của từng phần hoặc toàn bài dưới nhiều hình thức khác nhau.

Đánh giá về mặt định tính: Đối với HS: GV phát phiếu điều tra (Bảng 1) để HS hoàn thiện, trên cơ sở đó HS tự đánh giá được khả năng tự học của mình, đồng thời đánh giá chéo khả năng tự học của bạn. Đối với GV: quan sát, theo dõi HS trong suốt quá trình để nhận xét, đánh giá hoạt động tự học của HS cả về mặt Kiến thức; Kỹ năng; Tinh thần tự học thông qua các tiêu chí ở Bảng 2. Từ đó khen ngợi, tuyên dương những HS đạt kết quả tốt, khích lệ, động viên những HS thực hiện chưa tốt và hướng phấn đấu cho lần sau. Đánh giá về mặt định lượng, GV cho HS làm một bài tập với 1 tình huống: Mẹ Nam năm nay 50 tuổi, là công nhân làm việc tại nhà máy thuốc lá Thăng Long đã hơn 20 năm. Công việc của mẹ chủ yếu là đứng máy và thao tác tay để đóng gói thuốc lá. Thời gian gần đây, mẹ Nam thường xuyên cảm thấy đau lưng, đau khớp. Con đau thường tăng lên sau mỗi ca làm việc và ảnh hưởng đến giấc ngủ của mẹ. Mẹ lo lắng không biết mình mắc bệnh gì và liệu có thể tiếp tục công việc hiện tại được không.

Câu hỏi:

1. Theo các em, những bộ phận nào trong hệ vận động của mẹ Nam có thể bị ảnh hưởng bởi công việc hiện tại? Giải thích.
2. Hãy kể tên một số bệnh/tật liên quan đến hệ vận động mà những người làm công việc tương tự như mẹ Nam dễ mắc phải.
3. Những yếu tố nào trong môi trường làm việc của nhà máy thuốc lá có thể gây hại cho hệ vận động của mẹ Nam?
4. Mẹ Nam nên làm gì để giảm bớt các triệu chứng đau nhức và bảo vệ hệ vận động của mình?

Từ kết quả thu được trong việc giải quyết tình huống trên, kết hợp với bảng tiêu chí đánh giá khả năng tự học của HS, GV nhận xét, đánh giá cho từng HS hoặc nhóm HS về khả năng tự học. Từ đó khen ngợi, tuyên dương những HS đạt kết quả tốt, nhắc nhở, hướng dẫn những HS chưa đạt yêu cầu, từ đó có biện pháp điều chỉnh kế hoạch tự học cho phù hợp.

3. KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận về năng lực tự học, chúng tôi đã đề xuất quy trình tổ chức hoạt động tự học cho HS lớp 8 thông qua chủ đề Sinh học cơ thể người; Xây dựng các tiêu chí cho HS tự đánh giá khả năng học tập của mình và tiêu chí để GV đánh giá HS trong quá trình tự học và sản phẩm tự học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://csdaythemhocthem.hcm.edu.vn/tin-tuc/phat-trien-ky-nang-tu-hoc-cho-hoc-sinh/ctmb/41671/57452>, Trung tâm nghiên cứu giáo dục phổ thông - Viện Nghiên cứu Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Cảnh Toàn (2001), *Học và dạy cách học*. NXB Giáo dục, Hà Nội.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018a), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông-Chương trình tổng thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định về dạy thêm-học thêm của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*, Hà Nội.
5. Trần Bá Hoành (2006), *Đổi mới phương pháp dạy học chương trình và sách giáo khoa*. Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
6. Hoàng Phê (2008), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, tr128.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018b), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Khoa học tự nhiên của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*, Hà Nội.

DESIGNING SELF-LEARNING ACTIVITIES FOR EIGHTH GRADE STUDENTS THROUGH THE THEME OF HUMAN BODY BIOLOGY

Abstract: *Organization of teaching to develop self-learning abilities for 8th grade students through the Topic of Human Body Biology Abstract: Self-learning ability plays a crucial role in helping students actively acquire knowledge and skills, and is considered a fundamental orientation of the current general education curriculum. The development of students' self-learning abilities is a strategic task requiring the cooperation of teachers and the MOET. Forming this ability is a continuous process. Therefore, each teacher needs to actively research, explore, and develop appropriate teaching methods to achieve this goal. Based on theoretical research on teaching to develop abilities, this article will present a teaching process aimed at developing self-learning abilities for 8th grade students when studying the topic of "Human Body Biology" in the 8th grade Natural Science subject*

Keywords: *Study, skills, competency, organizing teaching, self-study.*